

Số: /2016/TT-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-NHNN ngày 23/01/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân và Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/03/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về quỹ tín dụng nhân dân

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-NHNN ngày 23/01/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/03/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về quỹ tín dụng nhân dân;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-NHNN ngày 23/01/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân và Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/03/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 1. Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 03/2014/TT-NHNN ngày 23/01/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân

Khoản 2 Điều 4 được sửa đổi như sau:

“Điều 4. Trích nộp Quỹ bảo toàn

2. Mức phí trích nộp hàng năm bằng 0,08% dư nợ cho vay bình quân của năm liền kề trước kết thúc vào ngày 31/12 của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.

Dư nợ cho vay bình quân năm được tính bằng tổng dư nợ cho vay (nhóm 1 và nhóm 2 theo quy định về phân loại nợ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) tại thời điểm cuối mỗi tháng trong năm chia cho số tháng phải tính thực tế. Riêng đối với ngân hàng hợp tác xã, số dư nợ cho vay nêu trên được loại trừ phần dư nợ cho vay điều hòa vốn đối với các quỹ tín dụng nhân dân thành viên.

Khi tổng nguồn vốn hoạt động của Quỹ bảo toàn đạt 1,5% tổng tài sản của hệ thống tổ chức tín dụng là hợp tác xã, Quỹ bảo toàn sẽ tạm thời ngừng thu phí tham gia của các thành viên và tiếp tục thu phí khi tổng nguồn vốn hoạt động của Quỹ bảo toàn thấp hơn mức nêu trên.

Số tiền trích nộp Quỹ bảo toàn được hạch toán vào chi phí hoạt động của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/03/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về quỹ tín dụng nhân dân

1. Sửa đổi khoản 7 Điều 11 như sau:

“Điều 11. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép

7. Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (đối với thành viên là cá nhân, người đại diện của pháp nhân, hộ gia đình). Đối với thành viên là cán bộ, công chức, *viên chức* phải có thêm giấy xác nhận nơi công tác, bản sao quyết định tuyển dụng của cơ quan, đơn vị tuyển dụng.

2. Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 31 như sau:

“Điều 31. Điều kiện để trở thành thành viên

1. Đối với cá nhân:

a) Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, *đăng ký thường trú* trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân

b) Cán bộ, công chức, *viên chức* đang làm việc tại các tổ chức, cơ quan có trụ sở chính đóng trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân. Thành viên của quỹ tín dụng nhân dân là cán bộ, công chức, *viên chức* không được giữ các chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát; Giám đốc, Phó giám đốc; Kế toán trưởng và các chức danh chuyên môn nghiệp vụ khác trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều 20 Thông tư này;

c) Không thuộc các đối tượng sau đây:

(ii) Cán bộ, công chức, *viên chức* làm việc ở những ngành, nghề có liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Đối với hộ gia đình:

a) Là hộ gia đình có *đăng ký* thường trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân; các thành viên trong hộ có chung tài sản để phục vụ sản xuất, kinh doanh dịch vụ của hộ gia đình”.

3. Sửa đổi khoản 1 Điều 36 như sau:

“Điều 36. Huy động vốn

1. Nhận tiền gửi:

a) Nhận tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm của thành viên, cá nhân khác bằng đồng Việt Nam.

b) Nhận tiền gửi có kỳ hạn của tổ chức bằng đồng Việt Nam theo quy định của pháp luật”.

4. Sửa đổi khoản 5 Điều 37 như sau:

“Điều 37. Hoạt động cho vay

5. Quỹ tín dụng nhân dân cho vay các hộ nghèo không phải là thành viên, đăng ký thường trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân. Hộ nghèo phải nằm trong danh sách hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. Quy trình, thủ tục, hồ sơ cho vay hộ nghèo thực hiện theo chế độ tín dụng hiện hành áp dụng đối với thành viên.

5. Sửa đổi khoản 3 Điều 40 như sau:

“Điều 40. Quyền của Quỹ tín dụng nhân dân

“3. Được Ngân hàng Hợp tác xã hỗ trợ trong việc thực hiện kiểm toán nội bộ khi có yêu cầu”.

6. Sửa đổi khoản 3 và bổ sung khoản 4 Điều 45 như sau:

“Điều 45. Quy định chung

3. Việc chuyển tiếp đối với quỹ tín dụng nhân dân không đảm bảo các quy định về địa bàn hoạt động; tỷ lệ vốn góp tối đa của một thành viên; thành viên đăng ký thường trú ngoài địa bàn; tổng mức nhận tiền gửi từ thành viên thực hiện theo quy định tại các Điều 47, 48, 49 và 50 Thông tư này.

4. Quỹ tín dụng nhân dân thống nhất ý kiến của các thành viên và thông qua tại Đại hội thành viên về việc điều chuyển vốn góp thường xuyên theo quy định tại khoản 3 Thông tư số 08/2005/TT-NHNN ngày 30/12/2005 và khoản 2 Thông tư số 06/2007/TT-NHNN ngày 06/11/2007 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 48/2001/NĐ-CP ngày 13/8/2001 và Nghị định số 69/2005/NĐ-CP ngày 26/5/2005 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân thành vốn góp xác lập tư cách thành viên hoặc vốn góp thường niên theo quy định tại Thông tư này”.

7. Sửa đổi khoản 1 Điều 46 như sau:

“Điều 46. Trách nhiệm của quỹ tín dụng nhân dân

1. Tại thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, quỹ tín dụng nhân dân chưa đảm bảo các quy định về địa bàn hoạt động, tỷ lệ góp vốn của một thành

viên, thành viên *đăng ký thường trú* ngoài địa bàn, tổng mức nhận tiền gửi từ thành viên tại Thông tư này phải xây dựng các phương án xử lý và chủ động tổ chức thực hiện các biện pháp xử lý để tuân thủ đúng quy định.

8. Sửa đổi khoản 5 Điều 47 như sau:

“Điều 47. Quy định chuyển tiếp đối với địa bàn hoạt động

5. Sau thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, quỹ tín dụng nhân dân có địa bàn hoạt động tại các xã không liền kề xã nơi đặt trụ sở chính do *điều chỉnh địa giới hành chính*, phải xây dựng phương án xử lý, trong đó tối thiểu có các nội dung sau:

- a) Thực trạng về địa bàn hoạt động liên xã của quỹ tín dụng nhân dân;
- b) Mức độ đáp ứng đối với từng điều kiện được hoạt động liên xã theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này;
- c) Kế hoạch, biện pháp xử lý, kể cả tổ chức lại dưới hình thức chia, tách theo quy định của pháp luật và cam kết thực hiện để đảm bảo sau thời hạn tối đa 36 tháng kể từ ngày *Nghị quyết của cấp có thẩm quyền về việc điều chỉnh địa giới hành chính trên địa bàn có hiệu lực thi hành* không còn địa bàn hoạt động tại các xã không liền kề”.

9. Sửa đổi Điều 48 như sau:

“Điều 48. Quy định chuyển tiếp đối với thành viên đăng ký thường trú ngoài địa bàn

Tại thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, quỹ tín dụng nhân dân có thành viên cá nhân không *đăng ký* thường trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 31 Thông tư này phải xây dựng phương án xử lý, trong đó tối thiểu phải có những nội dung sau:

1. Số lượng thành viên không *đăng ký* thường trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.
2. Tổng mức vốn góp và mức vốn góp của từng thành viên không *đăng ký* thường trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.
3. Kế hoạch, biện pháp xử lý (bao gồm cả việc chuyển nhượng, chấm dứt tư cách thành viên) và cam kết thực hiện để đảm bảo sau thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành không có thành viên không thường trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.

10. Sửa đổi Điều 52 như sau:

“Điều 52. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan

1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng:
 - a) Đầu mối tiếp nhận báo cáo của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo quy định tại các điểm b, điểm d khoản 2 Điều này và theo quy định của pháp luật;

b) Thanh tra, giám sát, xử lý đối với các hành vi vi phạm của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn địa bàn tỉnh, thành phố nơi có Cục thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính nơi có Cục thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc thực hiện quy định về chuyển tiếp và xử lý sau chuyển tiếp tại các Điều 46, 47 và Điều 51 Thông tư này;

d) Chủ trì phối hợp với các Vụ, Cục thuộc Ngân hàng Nhà nước trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét các vấn đề có liên quan đến việc thành lập, tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.

2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Quản lý, thanh tra, giám sát, xử lý đối với các hành vi vi phạm của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh, thành phố nơi không có Cục thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Thẩm định, cấp Giấy phép, chấp thuận danh sách những người được dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân; xác nhận việc đăng ký Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại Thông tư này; Trong thời hạn tối đa 15 ngày kể từ ngày cấp Giấy phép báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) kết quả việc cấp Giấy phép quỹ tín dụng nhân dân;

c) Có văn bản lấy ý kiến:

(i) Ủy ban nhân dân xã về việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn, danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban Kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân;

(ii) Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam đối với danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân (nếu thấy cần thiết);

(iii) Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng quy định tại điểm c(iii) khoản 1 Điều 12 Thông tư này.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra quỹ tín dụng nhân dân trong việc thực hiện quy định về chuyển tiếp và xử lý sau chuyển tiếp tại các Điều 46, 47, và Điều 51 Thông tư này. Định kỳ hàng quý, trong thời gian 15 ngày đầu tiên của tháng đầu tiên của quý, có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) về tình hình thực hiện quy định chuyển tiếp của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn.

3. Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam:

a) Hướng dẫn thống nhất trong hệ thống quỹ tín dụng nhân dân việc thiết kế, in ấn Thẻ thành viên theo quy định tại khoản 5 Điều 28 Thông tư này;

b) Có ý kiến tham gia bằng văn bản đối với danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân khi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc quỹ tín dụng nhân dân yêu cầu”.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 20....

2. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Ngân hàng Hợp tác xã, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Website NHNN;
- Lưu: VP, Cơ quan TTGSNH, PC (6 bản).

THỐNG ĐỐC

BẢN THUYẾT MINH

V/v xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 03/2014/TT-NHNN ngày 23/01/2014 quy định về quỹ đảm bảo an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân và Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 quy định về quỹ tín dụng nhân dân

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH:

1. Căn cứ pháp lý:

a. Luật các TCTD quy định

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010:

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của NHNN quy định:

“9. Cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; cấp, thu hồi giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng; cấp, thu hồi giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng cho các tổ chức; chấp thuận việc mua, bán, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và giải thể tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

- Luật các tổ chức tín dụng năm 2010:

+ Khoản 6 Điều 4. Giải thích từ ngữ quy định: *“QTDND là tổ chức tín dụng do các pháp nhân, cá nhân và hộ gia đình tự nguyện thành lập dưới hình thức hợp tác xã để thực hiện một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này và Luật hợp tác xã nhằm mục tiêu chủ yếu là tương trợ nhau phát triển sản xuất, kinh doanh và đời sống”.*

- Điều 18. Thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy phép quy định: *“Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền cấp, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép theo quy định của Luật này”.*

- Điều 20. Điều kiện cấp Giấy phép quy định: *“Điều kiện cấp Giấy phép đối với NH HTX, QTDND, tổ chức tài chính vi mô do Ngân hàng Nhà nước quy định”.*

- Điều 21. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị cấp Giấy phép quy định: *“Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị cấp Giấy phép”.*

- Điều 73. Tính chất và mục tiêu hoạt động của tổ chức tín dụng là hợp tác xã quy định: *“Tổ chức tín dụng là hợp tác xã là loại hình tổ chức tín dụng được tổ*

chức theo mô hình hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng nhằm mục đích chủ yếu là tương trợ giữa các thành viên thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ và cải thiện đời sống. Tổ chức tín dụng là hợp tác xã gồm NH HTX, QTDND”.

- Điều 75. Cơ cấu tổ chức quy định: “Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc (Giám đốc) phải đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và am hiểu về hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước”.

- Điều 76. Vốn điều lệ quy định: “Mức vốn góp tối thiểu và tối đa của một thành viên do Đại hội thành viên quyết định theo quy định của Ngân hàng Nhà nước”.

b. Các quy định của pháp luật có liên quan

- Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26/8/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN Việt Nam;

- Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 02/6/2010 của Chính Phủ về việc đơn giản hóa 258 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của các Bộ, ngành;

- Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 17/12/2010 của Chính phủ về phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc chức năng nhiệm vụ của NHNN;

2. Tình hình thực tiễn

Trong thời gian vừa qua, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhận được nhiều kiến nghị đối với Thông tư số 03/2014/TT-NHNN ngày 23/01/2014 quy định về quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân (Thông tư số 03) và Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 quy định về quỹ tín dụng nhân dân, đồng thời sau khi Thông tư 09/2016/TT-NHNN ngày 17/6/2016 quy định về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 31/2012/TT-NHNN ngày 26/11/2012 quy định về ngân hàng hợp tác xã được ban hành có một số quy định liên quan tại Thông tư số 03 và Thông tư số 04 cần được chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp.

II. CÁC NỘI DUNG CHÍNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 03 VÀ THÔNG TƯ SỐ 04 ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Về thời điểm ngừng thu phí

Theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 03, Quỹ bảo toàn ngừng thu phí khi tổng nguồn vốn của Quỹ bằng 1,5 lần tổng tài sản có của TCTD là hợp tác xã. Tuy nhiên, tổng tài sản của hệ thống các TCTD là hợp tác xã có biến động, tăng trưởng hàng năm, điều này cũng đồng nghĩa với việc trích nộp phí của các QTDND vào Quỹ bảo toàn sẽ không có thời điểm tạm ngừng.

Ngày 18/7/2011, Thống đốc NHNN đã ký Quyết định số 1591/QĐ-NHNN về việc phê duyệt Đề án “Thành lập quỹ bảo toàn hệ thống QTDND”, theo đó giá trị tài sản của Quỹ bảo toàn hệ thống QTDND theo thông lệ các

nước đã xây dựng thành công mô hình TCTD là hợp tác xã “*thường chiếm từ 0,5% đến 1,5% tổng tài sản có của toàn hệ thống tùy theo mức đánh giá của cơ quan quản lý Nhà nước đối với chất lượng hoạt động của hệ thống TCTD là hợp tác xã (mức 0,5% áp dụng với hệ thống TCTD là hợp tác xã được đánh giá có chất lượng tốt và mức 1,5% áp dụng đối với hệ thống TCTD là hợp tác xã được đánh giá có chất lượng trung bình)*”. Theo đánh giá của chuyên gia tư vấn chất lượng hoạt động của hệ thống QTDND hiện nay ở mức trung bình, vì vậy giá trị tài sản ròng của Quỹ bảo toàn hệ thống QTDND nên áp dụng ở mức 1,5% tổng giá trị tài sản của toàn hệ thống” (Khoản 1 Mục IV Phần thứ IV – Đề án thành lập quỹ bảo toàn hệ thống QTDND).

Từ các lý do trên, CQTTGSNH đã điều chỉnh thời điểm tạm dừng thu phí của Quỹ bảo toàn cho phù hợp với tình hình thực tế và thông lệ quốc tế, cụ thể như sau:

Khi tổng nguồn vốn hoạt động của Quỹ bảo toàn đạt 1,5% tổng tài sản của hệ thống tổ chức tín dụng là hợp tác xã, Quỹ bảo toàn sẽ tạm thời ngừng thu phí tham gia của các thành viên và tiếp tục thu phí khi tổng nguồn vốn hoạt động của Quỹ bảo toàn thấp hơn mức nêu trên.

2. Về điều kiện để trở thành thành viên QTDND

Điều 31 Thông tư số 04 quy định thành viên QTDND phải có hộ khẩu và thường trú trên địa bàn hoạt động của QTDND với mục đích yêu cầu thành viên của QTDND phải là những người có hộ khẩu và làm ăn, sinh sống trên địa bàn hoạt động của QTDND. Tuy nhiên, tại Điều 15 Luật cư trú quy định: “*Đăng ký thường trú là việc công dân đăng ký nơi thường trú của mình với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được cơ quan này làm thủ tục đăng ký thường trú, cấp sổ hộ khẩu cho họ*”. Do vậy, dự thảo Thông tư đã điều chỉnh các quy định về hộ khẩu và thường trú của thành viên QTDND tại Điều 31, 37, 45, 46, 48 Thông tư số 04 thành “*đăng ký thường trú*” cho phù hợp với quy định tại Luật cư trú.

Bên cạnh đó, Khoản 1 Điều 31 Thông tư số 04 quy định thành viên QTDND là cán bộ, công chức đang làm việc tại các tổ chức, cơ quan có trụ sở chính đóng trên địa bàn hoạt động của QTDND. Để phù hợp với thực tiễn hoạt động của QTDND, dự thảo Thông tư đã bổ sung thêm đối tượng thành viên QTDND có thể là “*viên chức*” đang làm việc tại các tổ chức, cơ quan có trụ sở chính đóng trên địa bàn hoạt động của QTDND.

3. Về nhận tiền gửi của tổ chức

Điều 36 Thông tư số 31 quy định “*QTDND được nhận tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm của thành viên, tổ chức, cá nhân khác bằng đồng Việt Nam*”. Tuy nhiên theo quy định hiện hành, các TCTD chỉ nhận tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam của các tổ chức. Do vậy, dự thảo Thông tư đã điều chỉnh quy định tại khoản 1 Điều 36 Thông tư 31 như sau:

Điều 36. Huy động vốn

1. Nhận tiền gửi:

a) *Nhận tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm của thành viên, cá nhân khác bằng đồng Việt Nam.*

b) *Nhận tiền gửi có kỳ hạn của tổ chức bằng đồng Việt Nam theo quy định của pháp luật”.*

4. Về quy định chuyển tiếp đối với địa bàn hoạt động

Thông tư số 04 không có quy định chuyển tiếp đối với địa bàn hoạt động trong trường hợp QTDND phải thay đổi địa bàn hoạt động do điều chỉnh địa giới hành chính. Do vậy, dự thảo Thông tư đã bổ sung quy định chuyển tiếp tại khoản 5 Điều 47 về điều chỉnh địa bàn hoạt động do thay đổi địa giới hành chính.

5. Về vốn góp của thành viên

Tại khoản 3 Thông tư số 08/2005/TT-NHNN ngày 30/12/2005 và khoản 2 Thông tư số 06/2007/TT-NHNN ngày 06/11/2007 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 48/2001/NĐ-CP ngày 13/8/2001 và Nghị định số 69/2005/NĐ-CP ngày 26/5/2005 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân có quy định về “vốn góp thường xuyên” của thành viên QTDND. Tuy nhiên, tại Thông tư số 04 không có quy định này. Do vậy, để đảm bảo việc chuyển đổi vốn góp thường xuyên của thành viên QTDND thực hiện theo quy định của pháp luật, dự thảo Thông tư đã bổ sung quy định chuyển tiếp đối với “vốn góp thường xuyên” của thành viên QTDND tại khoản 4 Điều 45 Thông tư số 04.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM